

Chính sách tỷ giá hối đoái của Việt Nam

Bài tập cá nhân môn Kinh tế Phát triển

12/12/11

Đoàn Minh Phương – QH2009E-CLC – MSV 09050458

I. Tỷ giá hối đoái

Khái niệm: Tỷ giá hối đoái là giá cả trên thị trường ngoại hối, phản ánh quan hệ giữa đồng tiền của hai quốc gia, theo đó đồng tiền nước này được đo bằng đồng tiền của nước khác.

1. **Tỷ giá hối đoái danh nghĩa:** là giá cả của một đồng tiền nước này tính theo đơn vị tiền tệ nước khác.

Hiện nay trên thế giới có hai phương pháp niêm yết tỷ giá là phương pháp trực tiếp và phương pháp gián tiếp.

- Phương pháp gián tiếp: ký hiệu e , là phương pháp biểu hiện một đơn vị nội tệ bằng các đơn vị ngoại tệ.

Ví dụ: Tại thị trường hối đoái London yết giá 1 bảng Anh = 1,5631 đôla Mỹ

- Phương pháp trực tiếp: ký hiệu E , là phương pháp tỷ giá hối đoái của đồng ngoại tệ. Nó chính là giá của một đơn vị ngoại tệ tính theo số đơn vị nội tệ.

Ví dụ: giá của đôla Mỹ (USD) tính theo đồng Việt Nam (VND) là 20950 VND/USD.

2. **Tỷ giá hối đoái thực tế:** là giá tương đối của hàng hoá ở hai nước

Công thức tính tỷ giá hối đoái thực tế:

$$e' = e * P / P'$$

e' : Tỷ giá hối đoái thực tế

e : Tỷ giá hối đoái danh nghĩa

P : Mức giá trong nước

P' : Mức giá nước ngoài

Nếu xét cho một hàng hoá cụ thể thì P chính là giá hàng nội tính bằng nội tệ (giá nội địa) còn P' chính là giá mặt hàng cùng loại ở nước ngoài tính theo giá ngoại tệ.

Ví dụ: giả sử có một chiếc áo sơ mi ở Việt Nam với giá $P = 100000$ VND/chiếc cũng chiếc áo đó sản xuất tại Mỹ $P' = 20$ USD, giả sử $e = 1/20000$

Khi đó tỷ giá hối đoái thực tế bằng $e' = e * P / P' = 1/20000 * (100000/20) = 1/4$

Điều này nói lên rằng một chiếc áo sơ mi Việt Nam có thể bằng 1/4 chiếc áo sơ mi bên Mỹ. Do chất lượng mẫu mã như nhau nên hàng Việt Nam rẻ hơn 1/4 hàng Mỹ. Do đó hàng Việt Nam có sức cạnh tranh hơn hàng Mỹ, hàng Việt Nam có thể xuất khẩu sang Mỹ.

Nếu tỷ giá hối đoái thực tế cao, hàng ngoại tương đối rẻ và hàng nội tương đối đắt và ngược lại.

II. Chính sách tỷ giá hối đoái

Tỷ giá như phân tích trên có vai trò quan trọng đối với sự tăng trưởng và ổn định nh của nền kinh tế.

Do vậy, chính sách hối đoái của bất kỳ một quốc gia nào cũng đều được coi như một trong những bộ phận cấu thành quan trọng của chính sách tiền tệ quốc gia. Duy trì, giữ vững sự ổn định nh của nền kinh

tế vĩ mô là yêu cầu cấp thiết để tăng trưởng kinh tế là mục tiêu hàng đầu và tập trung của các chính sách kinh tế của Chính phủ, trong đó có chính sách tỷ giá. Một quốc gia theo điều kiện hoàn cảnh và thời điểm sẽ xác định cho mình một chính sách tỷ giá thích hợp.

Trên thế giới hiện nay các nước theo đuổi các cách điều hành tỷ giá khác nhau song rút lại đều đi theo các xu hướng hoặc là chế độ tỷ giá cố định hoặc là chế độ tỷ giá thả nổi hoàn toàn hoặc thả nổi có kiểm soát.

Hệ thống tỷ giá thả nổi hoàn toàn : Do cung cầu trên thị trường ngoại hối quyết định tỷ giá. Không có sự can thiệp của chính phủ.

Hệ thống tỷ giá cố định: đó là tỷ giá do ngân hàng trung ương ấn định ở một mức nào đấy. Tỷ giá cố định thể cao hơn hay thấp hơn tỷ giá cân bằng trên thị trường ngoại hối để giữ được tỷ giá ở mức cố định ngân hàng trung ương phải mua bán ngoại tệ trên thị trường ngoại hối. Và như vậy, cung tiền tuột khỏi tay sự kiểm soát của ngân hàng trung ương. Ngân hàng trung ương chỉ có thể đạt được một trong hai mục tiêu: hoặc giữ cho tỷ giá cố định hoặc là kiểm soát được mức cung tiền chứ không thể đồng thời thực hiện được hai mục tiêu đó.

Hệ thống tỷ giá thả nổi có kiểm soát: Nằm giữa hai thái cực trên. Khi điểm của các nhà kinh tế trường phái chính hiện đại coi trọng cả vai trò kinh tế của Chính phủ và quy luật “bàn tay vô hình”. Tỷ giá được hình thành trên cơ sở thị trường theo quy luật cung cầu, cơ quan điều hành chính sách tiền tệ chỉ tác động lên tỷ giá bằng các công cụ mang tính thị trường tác động lên thị trường ngoại hối.

Nhưng vấn đề đặt ra là cần phải xác định chế độ tỷ giá hối đoái nào: cố định, thả nổi hoàn toàn hay thả nổi có kiểm soát. Một cuộc tranh luận về những chế độ tỷ giá hối đoái đã nổ ra. Thế giới đã chuyển từ chế độ tỷ giá cố định, được thực hiện từ sau Chiến tranh thế giới II đến đầu năm 1973, sang chế độ tỷ giá thả nổi, linh hoạt thay đổi hàng ngày. Nhưng vào cuối những năm 80 chế độ tỷ giá thả nổi hoàn toàn bộc lộ tác động tiêu cực đến các nền kinh tế và người ta bắt đầu nghĩ đến một chế độ tỷ giá thả nổi có điều tiết, nhằm hạn chế những tác động của chế độ tỷ giá linh hoạt. Hiện nay, các chính phủ đều muốn can thiệp để hạn chế những biến động mạnh mẽ lên xuống của tỷ giá, một mặt là cần thiết để cân bằng cung cầu trong thời gian ngắn, nhưng mặt khác lại gây ra những biến động không mong muốn cho giá cả và đầu ra ở trong nước.

III. Quá trình điều hành chính sách tỷ giá

Trước năm 1986, nền kinh tế nước ta ở trong tình trạng kế hoạch hoá tập trung cao độ mọi vấn đề về sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào, và sản xuất cho ai hoàn toàn là do ý muốn chủ quan của các nhà hoạch định chính sách. Nền kinh tế lâm vào khủng hoảng trì trệ đòi hỏi một sự đổi mới kịp thời và toàn diện. Trong thời kỳ này quan hệ ngoại thương của nước ta chỉ bó hẹp trong khối các nước XHCN. Đây là một khó khăn rất lớn cho chúng ta trong quá trình hội nhập kinh tế thế giới. Thời kỳ này, đất nước bị đặt trong tình trạng rất nhiều thách thức lạm phát phi mã, cán cân thanh toán mất cân đối nghiêm trọng. Yêu cầu của nền kinh tế lúc này là cần nhanh chóng có một đường lối đổi mới đưa đất nước ra khỏi tình trạng khủng hoảng và suy thoái kéo dài.

Năm 1986, bắt đầu công cuộc đổi mới toàn diện nền kinh tế. Cơ chế kinh tế quan liêu bao cấp bị xoá bỏ, bắt đầu định hướng một nền kinh tế thị trường. Hệ thống ngân hàng tài chính cũng bắt đầu được cải cách. Với việc tách hệ thống ngân hàng từ một cấp thành hai cấp đã phản ánh được tư duy thị

trường trong hoạt động ngân hàng. Trước kia chỉ có một cấp Ngân hàng nhà nước vừa làm nhiệm vụ của cơ quan nhà nước quản lý tiền tệ vừa là người cho vay trong nền kinh tế, nay tách ra làm hai:

- Ngân hàng nhà nước: Cơ quan thay mặt nhà nước thiết kế và thi hành chính sách tiền tệ, nghiệp vụ người cho vay cuối cùng
- Hệ thống ngân hàng Thương mại: Nhiệm vụ kinh doanh tiền tệ thu lợi nhuận, nhờ nó mà vốn được phân phối một cách có hiệu quả trong nền kinh tế. Pháp lệnh về các ngân hàng và các tổ chức tín dụng và sau này được sửa đổi bổ sung thành luật đã pháp luật hoá và bảo hộ quyền lợi của các tổ chức kinh tế này. Quan hệ kinh tế đối ngoại dần trở nên sôi động đòi hỏi phải có chính sách tỷ giá phù hợp. Trong những năm đầu tiên sau đổi mới chúng ta gặp rất nhiều khó khăn về dự trữ ngoại hối và thanh toán quốc tế. **Song với cách điều hành chính sách tỷ giá đúng đắn là thả nổi có kiểm soát**, nhanh chóng khắc phục thiếu sót và với sự trường mạnh mẽ của nền kinh tế đã giúp ta nhanh chóng làm chủ công cụ tỷ giá.

Quá trình thực hiện:

a. 1988 – 1991:

Đây là giai đoạn đầu tiên thực hiện cải cách cơ chế điều chỉnh tỷ giá đồng Việt Nam (VND) với Đôla Mỹ. Thời kỳ này tốc độ lạm phát diễn ra với tỷ lệ cao chóng mặt.

Năm	1985	1986	1987	1988	1989	1990	1991
Tỷ lệ Lp (%)	191,6	587,2	416,7	410,9	176,0	167,1	167,5

Ngày 20/10/1988 Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) ra quyết định số 271/CT cho phép Ngân hàng Nhà nước được phép điều chỉnh tỷ giá phù hợp với sự biến động giá cả trong nước theo nguyên tắc thời giá trừ lùi 10% đến 30% cá biệt đến 50%.

Khi bước sang cơ chế thị trường mọi chế độ, chính sách cũng như cơ chế điều hành trong thời kỳ tập trung bao cấp đều phải chuyển đổi phù hợp với cơ chế kinh tế mới để đáp ứng nhu cầu phát triển của nền kinh tế thị trường. Tỷ giá là một yếu tố hết sức nhạy cảm đối với hoạt động của nền kinh tế thị trường. Đang từ chế độ tỷ giá cố định và đa tỷ giá chuyển sang cơ chế tỷ giá thị trường biến động theo cung cầu và thống nhất một tỷ giá là cả một vấn đề không đơn giản.

Từ năm 1987 đến năm 1991, trong sự biến động chung của giá trong nước và quốc tế, tỷ giá cũng được bước đầu điều chỉnh mặc dù chỉ số giá cả hằng năm biến động rất lớn.

Tuy nhiên, với chức năng chính của Ngân hàng trung ương là đảm bảo sự ổn định giá cả trong nước thúc đẩy xuất khẩu, đồng thời khuyến khích tối đa nguồn vốn trong nước và quốc tế, nếu một chính sách tỷ giá mà không đảm bảo tính ổn định tương đối thì không thể khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước bỏ vốn ra đầu tư vì rủi ro tỷ giá quá lớn. Ngân hàng Nhà nước đã từng bước đưa dần tỷ giá lên (tức phá giá đồng Việt Nam), mặc dù giá cả biến động lớn nhưng Ngân hàng Trung ương đã xem xét mức độ ảnh hưởng của tỷ giá khi đưa lên quá cao sẽ lại trực tiếp ảnh hưởng đến giá đầu vào của sản phẩm và đẩy giá đầu ra lên cao, gây bất ổn định cho mức giá cả trong nước. Thực tế của Việt Nam trong những năm 1988, 1989 xuất khẩu chỉ bằng 1/3 nhập khẩu. Vì vậy, khi nâng tỷ giá cao đột ngột sẽ gây tác động mạnh đến mức giá trong nước. Xuất phát từ thực tế trong cách điều

Chỉ nh tỷ giá đồng Việt Nam với ngoại tệ (chủ yếu là USD) là mức giá cả dù biến động lớn như trong bảng trên, nhưng tỷ lệ điều chỉnh nh tỷ giá chỉ khoảng từ 10-30% so với mức thay đổi giá thực tế.

b. 1991 – 1994:

Trong giai đoạn này, đứng về phương diện thanh toán quốc tế, Việt Nam lại chịu thêm một sức ép vô cùng khó khăn. Tất cả các nước XHCN cũ có quan hệ thanh toán với Việt Nam đều đồng loạt chuyển sang thanh toán với Việt Nam bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi trong cả quan hệ mậu dịch và phi mậu dịch. Việc chuyển đổi có ảnh hưởng rất lớn đến khả năng thanh toán của Việt Nam bằng dự trữ ngoại tệ tự do chuyển đổi. Vì từ trước những năm 1991 hầu hết nguồn thu ngoại tệ của Việt Nam đều bằng đồng Rúp chuyển nhượng, chỉ có một tỷ lệ rất nhỏ bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi. Cán cân thanh toán quốc tế và cán cân thương mại của Việt Nam thiếu hụt lớn, nhập khẩu gấp ba lần xuất khẩu, sự thiếu hụt trong cán cân thương mại được bù đắp bằng các khoản viện trợ, cho vay của các nước XHCN và chủ yếu của Liên xô cũ.

Xử lý vấn đề này không phải chỉ có ngành ngân hàng mà phải phối hợp đồng bộ giữa các chính sách lớn của chính phủ và của các ngành.

- Các chính sách lớn của chính phủ

Nghị quyết Đại hội thanh toán quốc tế lần thứ 6 đề ra 3 chương trình kinh tế lớn mà Đảng, Nhà nước, Chính phủ phải tập trung chỉ đạo:

- Chương trình sản xuất hàng hoá xuất khẩu
- Chương trình khuyến khích sản xuất hàng tiêu dùng
- Chương trình lương thực thực phẩm.

Với ba chương trình kinh tế lớn đó đã hỗ trợ đắc lực cho cung ngoại tệ của nền kinh tế và giảm nhu cầu chi ngoại tệ tạo nên thế cân bằng cho cán cân thanh toán của Việt Nam.

- Về phía Ngân hàng Nhà nước

Với sự tham gia của Ngân hàng Nhà nước, Chính phủ đã ban hành văn bản quản lý ngoại hối mới trong đó có một số điểm thay đổi cơ bản nhằm khuyến khích mọi nguồn ngoại tệ chuyển vào Việt Nam và tập trung thu hút nguồn ngoại tệ trong nước cho mục tiêu phát triển kinh tế đất nước.

- Thành lập quỹ điều hoà ngoại tệ:

Ngân hàng Nhà nước đã tham mưu cho Chính phủ thành lập quỹ điều hoà ngoại tệ tại Ngân hàng Nhà nước để tập trung đáp ứng những nhu cầu thiết yếu của nền kinh tế trong giai đoạn đầu còn khó khăn và can thiệp thị trường để ổn định nh tỷ giá.

Trong thời gian qua với việc điều hành quỹ điều hoà một cách rất linh hoạt và hiệu quả, một mặt tạo cho ngân hàng Trung ương một lực thực sự để can thiệp có hiệu quả nhằm ổn định nh chính sách tỷ giá, đáp ứng nhu cầu bức thiết của nền kinh tế về ngoại tệ để thanh toán quốc tế, mặt khác thông qua việc mua bán ngoại tệ qua quỹ điều hoà không những quỹ không giảm mà còn tăng lên mức đáng kể trong khi tỷ giá được ổn định nh một cách tương đối.

- Thành lập hai trung tâm giao dịch ngoại tệ:

Năm 1991 là năm đánh dấu mốc lịch sử về việc hình thành nền móng thị trường hối đoái tại Việt Nam, đó là việc NHNN đã hình thành hai trung tâm giao dịch tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh vào tháng 8 và tháng 11 năm 1991. Thông qua mua bán trên trung tâm giao dịch ngoại tệ mà Ngân hàng Trung ương là người tổ chức và điều hành, Ngân hàng Trung ương kịp thời nắm bắt được cung cầu ngoại tệ trên thị trường để điều hành chính sách tiền tệ cũng như tỷ giá theo tín hiệu thị trường.

Trong thời kỳ đầu hoạt động của trung tâm giao dịch ngoại tệ, cung ngoại tệ còn thấp hơn cầu ngoại tệ rất nhiều, nếu để tỷ giá hình thành theo quan hệ thị trường cung cầu, tỷ giá sẽ biến động rất lớn, điều này tác động không tốt tới mức giá trong nước. Vì vậy thông qua hình thức can thiệp của Ngân hàng Trung ương, tỷ giá biến động với một mức độ hợp lý, một mặt vẫn phản ánh quan hệ cung cầu mặt khác không gây tác động tới giá cả và tạo một tâm lý ổn định cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước cũng như dân chúng yên tâm đầu tư và gửi tiền để phát triển kinh tế.

Sau một thời gian dài từ năm 1992 đến năm 1993, Ngân hàng Trung ương thể hiện quan điểm ổn định tỷ giá và tạo lòng tin cho dân chúng vào sự ổn định của đồng Việt Nam cũng như tâm lý ổn định của thị trường đã thu hút được nguồn ngoại tệ lớn lao từ kiều hối, đầu tư nước ngoài, vay nợ vào Việt Nam; mặt khác việc duy trì lãi suất thực dương đồng Việt Nam cao đã khuyến khích các tổ chức cá nhân bán ngoại tệ để gửi đồng Việt Nam. Cả hai yếu tố trên đã đồng thời ảnh hưởng tích cực đến sự ổn định giá trị đồng Việt Nam và tăng dự trữ ngoại tệ quốc gia. Sự ổn định giá trị đồng Việt Nam không phải chỉ về danh nghĩa mà cả về giá trị thực. Việc ổn định tỷ giá có ảnh hưởng tốt tới mặt bằng giá trong nước dẫn đến chỉ số lạm phát được duy trì ở mức chấp nhận được và có chiều hướng đi xuống, trong khi tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam qua các năm không ngừng tăng làm cho quan hệ tiền hàng được đảm bảo và giá trị của đồng Việt Nam được ổn định tạo ra môi trường ổn định vững chắc vĩ mô cho phát triển kinh tế ở Việt Nam.

Sau một khoảng thời gian dài khoảng hơn 3 năm hoạt động của hai trung tâm giao dịch ngoại tệ đã phát huy tích cực vai trò trong việc điều hoà cung cầu ngoại tệ, tạo ra phương thức kinh doanh giao dịch mang tính thị trường góp phần ổn định tỷ giá, giá cả. Tuy nhiên, với nhu cầu phát triển kinh tế và nhu cầu giao dịch ngoại tệ của cả nước, cũng như tính nhanh nhạy kịp thời trong giao dịch và thanh toán của cơ chế thị trường ngày càng sôi động. Thực tế đòi hỏi phải có mô hình mới linh hoạt hơn và mang tính thị trường trong cả nước hơn chứ không phải chỉ có Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

c. 1994 – 1997

Tháng 10/1994 để đáp ứng nhu cầu bức thiết trong nhu cầu giao dịch, thanh toán ngoại tệ của nền kinh tế, với các điều kiện khách quan và chủ quan thuận lợi, hệ thống ngân hàng thương mại đã phát triển cao về mặt số lượng cũng như về mặt chất lượng, các điều kiện về mặt kỹ thuật thiết bị cho phép, trình độ giao dịch của các ngân hàng đã nâng cao. Nguồn ngoại tệ của nền kinh tế dồi dào, thị trường ngoại tệ Liên ngân hàng ra đời đã chính thức ra đời với số thành viên tham gia đầu tiên là 24 ngân hàng thương mại và đến nay là đã có hơn 40 thành viên.

Tỷ giá hình thành trên thị trường ngoại tệ Liên ngân hàng mang tính thị trường cao, linh hoạt, sâu rộng và khách quan. Từ đó tỷ giá đồng Việt Nam với ngoại tệ cũng được hình thành một cách khách quan hơn và phản ánh tương đối thực tế sức mua của đồng Việt Nam. Đó là bước phát triển mới và ở mức độ sâu hơn, cao hơn của hoạt động ngoại tệ ở Việt Nam.

d. 1997 – nay

Giai đoạn điều hành tỷ giá linh hoạt có sự điều tiết của Nhà nước. Chủ trương điều hành tỷ giá một cách linh hoạt theo tình hình trong nước và quốc tế nhằm khuyến khích xuất khẩu, hạn chế nhập khẩu và tăng dự trữ ngoại tệ.

Trong năm 1997, cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ khu vực nổ ra và gây hậu quả nghiêm trọng cho các nền kinh tế trong khu vực, đặt Việt Nam trước sức ép phá giá nội tệ. Việt Nam đã thận trọng và nhiều lần điều chỉnh tỷ giá hối đoái của đồng Việt Nam bằng nhiều hình thức.

Ngày 24/2/1999, Thống đốc ngân hàng nhà nước đã có quyết định số 64/1999/QĐ/NHNN và quyết định số 65/1999/QĐ/NHNN ban hành cơ chế điều hành tỷ giá bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng, với nguyên tắc cơ bản là tỷ giá được xác định theo cung cầu thị trường, có sự điều tiết của nhà nước. Trong đó tỷ giá bình quân liên ngân hàng của ngày hôm trước được áp dụng để các ngân hàng thương mại làm cơ sở xác định tỷ giá giao dịch trong ngày hôm sau. Ngân hàng nhà nước quy định biên độ giao dịch cho phép trong từng thời kỳ. Ngân hàng nhà nước trực tiếp can thiệp lên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng để tác động lên tỷ giá bình quân liên ngân hàng hàng ngày.

Từ năm 2008, trước tình hình suy thoái kinh tế quốc tế ảnh hưởng mạnh đến Việt Nam, các dòng vốn vào Việt Nam bị hạn chế, ngân hàng nhà nước đã chủ động điều chỉnh tỷ giá liên ngân hàng để tăng tính thanh khoản trên thị trường ngoại tệ. Tính đến 26/12/2008, ngân hàng nhà nước đã điều chỉnh biên độ tỷ giá từ 2% lên 5%, điều chỉnh tỷ giá ngoại tệ liên ngân hàng 5,16%.

Ngày 26/11/2009, ngân hàng nhà nước hạ biên độ tỷ giá từ mức 5% xuống 3%, đồng thời nâng tỷ giá liên ngân hàng thêm 5,44%, lên mức 17.961 VND/USD.

Ngày 10/2/2010, ngân hàng nhà nước quyết định điều chỉnh tỷ giá liên ngân hàng từ mức 17.941 VND/USD lên mức 18.544 VND/USD, đồng thời ấn định lãi suất tiền gửi tối đa bằng đôla Mỹ của các tổ chức kinh tế tại ngân hàng ở mức 1%. Các quyết định này là nhằm mục đích cân đối cung cầu ngoại tệ, tạo điều kiện kiểm soát cung tiền, khuyến khích xuất khẩu, hạn chế nhập khẩu, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô.

Có thể nói chính sách tỷ giá trong thời gian qua đã có sự điều chỉnh căn bản, đã nêu rõ nguyên tắc xác định tỷ giá, tính thị trường được thừa nhận, sự điều tiết của nhà nước là khá rõ, quyền tự chủ của ngân hàng thương mại được đề cao, ngân hàng nhà nước đã tôn trọng cơ chế thị trường và chủ động trong việc điều hành tỷ giá phù hợp với mục tiêu chính sách tiền tệ và tăng trưởng kinh tế. Chính sách tỷ giá điều hành dựa trên quan hệ cung cầu, có sự điều chỉnh linh hoạt là đúng đắn.

IV. Giải pháp điều hành chính sách tỷ giá

1. Chính sách tỷ giá phải được điều chỉnh linh hoạt và theo hướng thị trường hơn.

Việt Nam đang trong quá trình mở cửa và hội nhập, việc cam kết thực hiện các điều kiện của tự do hóa thương mại đòi hỏi phi cắt giảm hàng rào thuế quan và phi thuế quan, cùng với sự nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế. Khi tham gia vào thị trường quốc tế, các nhà sản xuất của Việt Nam sẽ gặp phải sự cạnh tranh mãnh liệt từ các nhà cung ứng nước ngoài. Với tư cách là nước đi sau, mới tham gia vào thị trường quốc tế, nhiều doanh nghiệp có thể đứng trước nguy cơ phá sản nếu như không có một sự bảo hộ cần thiết để thích ứng dần với điều kiện mới. Do vậy, tỷ giá phải được điều chỉnh để phát huy vai trò tích cực trong việc bảo hộ một cách hợp lý các doanh nghiệp trong nước.

2. Chính sách tỷ giá Việt Nam điều chỉnh theo hướng tách rời sự neo buộc vào đồng USD.

Việc đồng Việt Nam neo vào đồng đôla Mỹ có thuận lợi vì đồng đôla Mỹ là một trong những đồng tiền chủ yếu sử dụng trong thanh toán quốc tế, do đó làm đơn giản hoá việc xác định tỷ giá đồng Việt Nam với các ngoại tệ khác. Điều này có tác dụng tích cực khi giá trị đồng đôla Mỹ ổn định trên thị trường tài chính quốc tế. Tuy nhiên, không phải lúc nào đồng đôla Mỹ cũng ổn định. Do sự phụ thuộc như vậy nên chỉ cần đồng đôla Mỹ lên giá so với các ngoại tệ khác thì đồng Việt Nam cũng lên giá theo, dẫn đến giảm xuất khẩu, tăng nhập khẩu, góp phần làm cho cán cân tài khoản vãng lai bị thâm hụt lớn.

NHNN nên xác định cơ cấu “rổ” ngoại tệ để xác định tỷ giá VND với các ngoại tệ khác khách quan hơn, tránh sự lệ thuộc vào USD; tiến tới xác định và công bố tỷ giá trung bình của VND với cả rổ ngoại tệ.

3. Nâng cao hiệu quả hoạt động của ngân hàng nhà nước trên thị trường ngoại hối.

Trong những năm gần đây, nhờ áp dụng cơ chế quản lý tỷ giá mới của Ngân hàng nhà nước mà thị trường ngoại hối Việt Nam đã có những thay đổi đáng kể. Sự thành công của cơ chế mới thể hiện ở tỷ giá USD/VND, cả trên thị trường chính thức và thị trường tự do đã đạt đến trạng thái ổn định, ít biến động. Tình hình đó đã tác động tích cực đến hoạt động xuất khẩu, thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, kiềm chế lạm phát... NHNN đã có những can thiệp đúng lúc và hiệu quả, có thể nói là đã có vai trò lớn trong việc bình ổn thị trường tiền tệ. Tuy nhiên, vẫn còn có những rào cản cứng nhắc, những văn bản pháp quy về điều hành tỷ giá chưa phù hợp, chông chéo, NHNN vẫn cần phải có những thay đổi tích cực hơn nữa tiến tới một cơ chế TGHĐ linh hoạt, theo hướng thị trường. Cụ thể về các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của NHNN như sau:

- NHNN tiếp tục và nhất quán thực hiện chủ trương điều hành tỷ giá linh hoạt, theo hướng thị trường, chủ động can thiệp khi cần thiết.
- Việc can thiệp của NHNN cần phải diễn ra kịp thời với quy mô thích hợp.
- Nâng cao tính minh bạch trong các chính sách can thiệp của NHNN.

4. Hoàn thiện thị trường ngoại hối.

Việt Nam đã thực hiện cơ chế tỷ giá linh hoạt và sự can thiệp của NHNN đóng vai trò thiết yếu. Liên quan chặt chẽ đến vấn đề này là việc phát triển thị trường ngoại hối. Một thị trường ngoại hối có khả năng thanh khoản cao và hoạt động có hiệu quả sẽ cho phép tỷ giá đáp ứng tín hiệu của thị trường, giảm thiểu các rủi ro tỷ giá.

5. Thực hiện chính sách đa ngoại tệ.

Hiện nay, ngoài đôla Mỹ, trên thị trường có nhiều loại ngoại tệ có giá trị thanh toán quốc tế như Euro, JPY, CAD, GBP...Điều này tạo điều kiện cho Việt Nam có thể thực hiện chính sách đa ngoại tệ trong thanh toán quốc tế và điều hành chính sách tỷ giá. Việt Nam cần xây dựng một cơ chế ngoại tệ hợp lý trên cơ sở đa dạng hóa rổ ngoại tệ mạnh, làm căn cứ cho việc ấn định tỷ giá VND. Cơ chế ngoại tệ đa dạng tạo điều kiện cho các NHTM cung ứng bảo hiểm rủi ro về lãi suất, tỷ giá hối đoái, cho phép các ngoại tệ mạnh trên lãnh thổ Việt Nam được tự do chuyển đổi làm cho vai trò của USD sẽ dần hạn chế hơn.

6. Tạo điều kiện để đồng Việt Nam có thể chuyển đổi được.

Ngày nay, một đồng tiền được coi là có khả năng chuyển đổi khi mà bất cứ ai có đồng tiền đó đều có thể tự do chuyển đổi sang một trong những đồng tiền đóng vai trò dự trữ quốc tế chủ yếu như USD, GBP, Euro... theo tỷ giá thị trường.

Nếu cứ tiếp tục như tình hình hiện nay thì nền kinh tế Việt Nam vẫn tiếp tục chịu thiệt hại do những bất lợi trong thanh toán quốc tế gây ra. Việc phấn đấu cho đồng Việt Nam chuyển đổi được từng phần đặt ra nhiều đòi hỏi cho nền kinh tế, trong đó việc kiềm chế lạm phát là một yêu cầu bức thiết. Để tăng khả năng chuyển đổi của đồng tiền Việt Nam, nhà nước cần tạo điều kiện thuận lợi cho tiền Việt Nam tham gia hoạt động thanh toán quốc tế. Làm được điều này sẽ tạo điều kiện cho các hoạt động kinh tế đối ngoại nước ta phát triển mạnh mẽ, tạo điều kiện cho hàng hoá Việt Nam dễ dàng thâm nhập vào thị trường thế giới.